

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 7 năm 2020

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN IV: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ
CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 13, TẠI ĐẢNG BỘ TPTN

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Đào Thị Kim Anh	1	54	7.0	Bảy	
2	Lê Thị Chanh	2	59	8.5	Tám rưỡi	
3	Nguyễn Thành Chung	3	41	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Thị Thùy Dung	4	56	7.5	Bảy rưỡi	
5	Vũ Thị Thùy Dương	5	13	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Thị Duyên	6	63	7.5	Bảy rưỡi	
7	Vũ Đình Đề	7	69	7.0	Bảy	
8	Hoàng Văn Điệp	8	66	7.0	Bảy	
9	Đỗ Minh Đức	9	23	7.0	Bảy	
10	Nguyễn Minh Đức	10	51	7.5	Bảy rưỡi	
11	Lê Thị Giang	11	14	7.0	Bảy	
12	Trần Thị Hương Giang	12	07	8.0	Tám	
13	Nguyễn Thị Hải Hà	13	53	7.5	Bảy rưỡi	
14	Lương Thị Thu Hà	14	43	7.0	Bảy	
15	Hà Văn Hải	15	21	8.0	Tám	
16	Ngô Thị Hạnh	16	11	7.5	Bảy rưỡi	
17	Hà Thị Hằng	17	29	8.0	Tám	
18	Phạm Thị Thu Hằng	18	30	8.0	Tám	
19	Vũ Thị Thu Hằng	19	57	7.5	Bảy rưỡi	
20	Trần Thị Hào	20	18	7.5	Bảy rưỡi	
21	Lê Thị Thúy Hiền	21	46	8.0	Tám	
22	Nguyễn Thanh Hiền	22	64	8.0	Tám	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Thị Hoàng Hoa	23	67	7.5	Bảy rưỡi	
24	Nguyễn Minh Huệ	24	22	7.0	Bảy	
25	Nguyễn Anh Hùng	25	70	7.5	Bảy rưỡi	
26	Hoàng Thị Hưng	26	73	7.0	Bảy	
27	Trịnh Thị Thu Hương	27	65	7.5	Bảy rưỡi	
28	Trần Thị Hương	28	09	7.5	Bảy rưỡi	
29	Phùng Thị Huyền	29	60	7.0	Bảy	
30	Nguyễn Thị Thanh Huyền	30	38	8.0	Tám	
31	Nguyễn Thanh Huyền	31	49	8.0	Tám	
32	Hà Quang Khánh	32	26	7.0	Bảy	
33	Vũ Chí Kiên	33	34	7.5	Bảy rưỡi	
34	Đoàn Thị Nhật Linh	34	35	7.5	Bảy rưỡi	
35	Trần Thị Diệu Linh	35	45	7.0	Bảy	
36	Trần Thị Tuyết Loan	36	32	7.5	Bảy rưỡi	
37	Phùng Thị Thanh Loan	37	31	8.0	Tám	
38	Đỗ Thị Hồng Nga	38	27	7.5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị Thúy Nga	39	48	8.0	Tám	
40	Nguyễn Thị Bích Ngọc	40	33	8.0	Tám	
41	Phạm Chí Nguyên	41	58	7.5	Bảy rưỡi	
42	Đinh Thị Nhài	42	08	7.5	Bảy rưỡi	
43	Cà Nguyễn Linh Phương	43	19	7.5	Bảy rưỡi	
44	Vũ Thị Thanh Phương	44	61	7.5	Bảy rưỡi	
45	Vũ Thị Minh Quý	45	76	7.5	Bảy rưỡi	
46	Lương Ngọc Quỳnh	46	68	7.0	Bảy	
47	Nguyễn Huyền Sâm	47	25	7.5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Hồng Thái	48	17	7.0	Bảy	
49	Nông Thị Hồng Thắm	49	28	7.5	Bảy rưỡi	
50	Trịnh Đức Thắng	50	42	8.0	Tám	
51	Nguyễn Thị Hoài Thanh	51	71	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
52	Vũ Quyết Thanh	52	40	7.0	Bảy	
53	Nguyễn Thị Thảo	53	16	7.0	Bảy	
54	Trịnh Đức Thảo	54	52	7.5	Bảy rưỡi	
55	Ngô Thị Phương Thảo	55	78	7.5	Bảy rưỡi	
56	Vũ Thị Thơm	56	74	7.0	Bảy	
57	Ngô Thị Thu Thuận	57	79	7.5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Trung Thường	58	20	8.0	Tám	
59	Nguyễn Hồng Thúy	59	36	7.0	Bảy	
60	Lương Thị Thanh Thúy	60	37	8.0	Tám	
61	Dương Thị Thu Thủy	61	12	7.5	Bảy rưỡi	
62	Lê Thị Thủy	62	15	7.0	Bảy	
63	Bùi Thị Thủy	63	75	7.5	Bảy rưỡi	
64	Trần Mạnh Thủy	64	39	7.0	Bảy	
65	Nguyễn Văn Trọng	66	55	8.0	Tám	
66	Nguyễn Xuân Trường	67	10	7.0	Bảy	
67	Hoàng Anh Tuấn	68	50	7.0	Bảy	
68	Phạm Quang Tùng	69	62	7.0	Bảy	
69	Nguyễn Thị Tuyết	70	44	7.0	Bảy	
70	Nguyễn Tiến Việt	71	77	7.0	Bảy	
71	Nguyễn Hương Xoan	72	72	8.0	Tám	
72	Trần Thị Hải Yến	73	47	7.5	Bảy rưỡi	
73	Nguyễn Đức Toàn	65	24	7.5	Bảy rưỡi	
74	Hoàng Lưu Quý	74	01	7.5	Bảy rưỡi	P.IV-K47B
75	La Thị Việt Hà	75	02	7.0	Bảy	P.IV-K47B
76	Nguyễn Năng Khánh	76	03	7.0	Bảy	P.IV-K47B
77	Trần Thị Ngọc Hà	77	04	7.0	Bảy	P.IV-K9 Đồng Hỷ
78	Triệu Văn Minh	78	-	-	Vắng thi	P.IV-K9 Đồng Hỷ
79	Đặng Ngọc Hiếu	79	05	7.5	Bảy rưỡi	P.V.3-K9 Đồng Hỷ
80	Dương Văn Thành	80	06	7.0	Bảy	P.V.3-K9 Đồng Hỷ

PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Hồng Mây

KHOA XĐB
TRƯỞNG KHOA



Ngô Thị Hồng Nhung

K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Minh Chuyên